TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNG SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 7 - 2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lương Thị Anh

- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Huỳnh Bá Dương

Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Đ**, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số 497 N, tổ 31, phường H, quận H, TP Đ. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn T;** sinh năm 1966. Địa chỉ: Số nhà K45 phường K, quận Ng, TP Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Toà án và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị Đ trình bày:*

Tôi và ông Huỳnh Văn T đăng ký kết hôn vào năm 2019, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hoà Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số nhà 497 Núi Thành, Tổ 31, phường Hoà Cường Nam, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do cả hai không cùng quan điểm sống, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau. Nay tôi không còn tình cảm yêu thương ông T nữa, tôi yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

* Bị đơn ông Huỳnh Văn T trong suốt quá trình tố tụng đều vắng mặt nên không có ý kiến thể hiện hồ sơ.

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng về cơ bản Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền thụ lý vụ án, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định của BLTTDS.

- Việc thu thập chứng cứ: Về cơ bản việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo đúng Điều 95 BLTTDS.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 170, 171, 177, 178, 203, 205, 210 BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện nguyên tắc xét xử, thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại chương II, chương XIV BLTTDS. Thư ký được phân công đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng.

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam; căn cứ Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Võ Thị Đ đối với ông Huỳnh.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị Đ được ly hôn ông Huỳnh Văn T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do ông Tvắng mặt nên không xác định được có hay không tài sản chung và nợ chung nên tách ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết, tranh chấp ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Huỳnh Văn Tđã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông.

[2] Về nội dung vụ án bà Võ Thị Đ và ông Huỳnh Văn T kết hôn với nhau vào năm 2019, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hoà Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do cả hai không cùng quan điểm sống, không có sự chia sẻ nên dẫn đến dần lạnh nhạt tình cảm vợ chồng, hiện ông bà đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau. Nay bà Đức không còn tình cảm yêu thương ông T nữa, bà yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với ông T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đức thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng có niềm tin và tình yêu, sự thông cảm và chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống nhưng đến nay cả hai ông bà đã không còn giữ được điều này. Trong thời gian mâu thuẫn từ 2022 đến nay vợ chồng không tìm kiếm được tiếng nói chung, cũng như không có giải pháp để cùng nhau dung hòa mâu thuẫn cải thiện lại quan hệ vợ chồng. Khi bà Đ nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng ông Tùy đều vắng mặt thể hiện ý thức ông không chấp hành pháp luật cũng như bỏ mặc việc níu kéo đối với chính cuộc hôn nhân của mình. Do đó thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thấy có níu

kéo cũng không đem lại kết quả gì nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đức đối với ông Tùy là phù hợp với điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Không có

[5] Về tài sản chung và nợ chung bà Đ xác định không có, tuy nhiên tại phiên tòa do ông Tvắng mặt nên không có cơ sở xác định vợ chồng có hay không tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không đề cập xem xét, tách ra sau này các đương sự nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000đ bà Võ Thị Đ phải chịu khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0009549 ngày 06 tháng 3 năm 2023.

Xét đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn" của bà Võ Thị Đ đối với ông Huỳnh Văn T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị Đ được ly hôn ông Huỳnh Văn Tùy (Giấy chứng nhận kết hôn số 125/2019 ngày 09/10/2019 của UBND phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng không còn hiệu lực).

2. Về quan hệ con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung : Tách ra khi có yêu cầu thì giải quyết vụ án khác .

4. Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000đ bà Võ Thị Đ phải chịu khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0009549 ngày 06 tháng 3 năm 2023.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- UBND phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Lương Thị Anh